

TỜ TRÌNH

Về việc thẩm định Điều chỉnh quy mô diện tích và loại đất sử dụng một số công trình, dự án tại danh mục công trình trong quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của huyện Hương Sơn

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Tĩnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Quyết định số 850/QĐ-UBND ngày 26/04/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Hương Sơn.

Ủy ban nhân dân huyện Hương Sơn trình Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt Điều chỉnh quy mô diện tích và loại đất sử dụng một số công trình, dự án tại danh mục công trình trong quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021- 2030 của huyện Hương Sơn với những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Sự cần thiết phải điều chỉnh bổ sung nhu cầu sử dụng đất:

Trên cơ sở các quy định của pháp luật về đất đai, danh mục các công trình, dự án trong phương án quy hoạch sử dụng đất huyện Hương Sơn giai đoạn 2021 – 2030 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt tại Quyết định số 850/QĐ-UBND ngày 26/04/2022. Trong quá trình thực hiện một số công trình, dự án phát sinh thay đổi loại đất sử dụng vào nhưng không làm thay đổi về chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất và khu vực sử dụng đất theo chức năng trong quy hoạch sử dụng đất cấp huyện cần phải được điều chỉnh để phù hợp với thực tế theo Khoản 3, Điều 1, Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

Để có căn cứ để thực hiện thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2013, đáp ứng yêu cầu về tiến độ thực hiện các công trình dự án phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh nói chung và huyện Hương Sơn nói riêng thì cần có Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt điều chỉnh quy mô diện tích và loại đất sử dụng một số công trình, dự án tại danh mục công trình trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Hương Sơn.

2. Nội dung trình duyệt

Ủy ban nhân dân huyện kính trình Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt điều chỉnh một số công trình, dự án trong quy hoạch sử dụng đất huyện Hương Sơn đến năm 2030 đối với mã loại đất lấy vào nhưng không làm thay đổi về chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất và khu vực sử dụng đất theo chức năng trong quy hoạch sử dụng đất thành phố cụ thể như sau:

Điều chỉnh quy mô diện tích và mã loại đất lấy vào của 26 dự án sử dụng vào mục đích phát triển kinh tế xã hội với diện tích 111,03 ha trong đó Đất chuyên trồng lúa nước 30,65 ha; đất trồng cây hàng năm 27,17 ha; đất trồng cây lâu năm 20,05 ha; Đất rừng sản xuất 19,04 ha; Đất nuôi trồng thủy sản 2,00ha; Đất XD trụ sở cơ quan 0,17 ha; Đất ở tại nông thôn 0,75 ha; Đất xây dựng cơ sở GD – ĐT 0,20 ha; Đất ở tại đô thị 0,40 ha; Đất bằng chưa sử dụng 9,24 ha (*thay đổi diện tích lấy vào của các công trình dự án những không làm thay đổi chỉ tiêu Đất chuyên trồng lúa nước và các loại đất khác*); cụ thể như sau:

1. ĐẤT CÔNG TRÌNH NĂNG LƯỢNG

- Dự án Hướng tuyến đường dây 500kV Nhiệt điện Vũng Áng 3 - Quỳnh Lập: Theo quy hoạch được duyệt tổng diện tích dự án 0,30 ha; đề nghị điều chỉnh lên quy mô 1,09 ha; chênh lệch tăng 0,79 ha; Điều chỉnh loại đất lấy vào: Đất chuyên trồng lúa nước giữ nguyên 0,20 ha; Đất trồng cây hàng năm khác 0,40 ha; Đất rừng sản xuất điều chỉnh từ 0,10 ha lên 0,40 ha.

- Dự án Xây dựng các tuyến đường dây hạ áp trên địa bàn huyện: Theo quy hoạch được duyệt tổng diện tích dự án 25,62 ha; đề nghị điều chỉnh quy mô 24,83 ha; chênh lệch giảm 0,79 ha; có điều chỉnh loại đất lấy vào: Đất chuyên trồng lúa nước giữ nguyên 3,50 ha; Đất trồng cây hàng năm khác điều chỉnh từ 3,50 ha xuống 3,01 ha; Đất rừng sản xuất điều chỉnh từ 10,50 ha lên 10,20 ha.

2. ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NN

- Dự án Quy hoạch nhà máy cấp nước Khe Cò: Theo quy hoạch được duyệt tổng diện tích dự án 0,37 ha; đề nghị điều chỉnh quy mô 2,00 ha; chênh lệch tăng 1,63 ha; có điều chỉnh loại đất lấy vào: Đất chuyên trồng lúa nước 0,50ha; Đất trồng cây hàng năm khác điều chỉnh từ 0,37 ha lên 1,50 ha.

- Dự án Quy hoạch đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp xã Quang Diệm (sát khu quy hoạch cụm công nghiệp Quang Diệm): Theo quy hoạch được duyệt tổng diện tích dự án 35,00 ha; đề nghị điều chỉnh quy mô 33,37 ha; chênh lệch giảm 1,63ha; có điều chỉnh loại đất lấy vào: Đất chuyên trồng lúa nước điều chỉnh từ 20,00ha xuống 19,50 ha; Đất trồng cây hàng năm khác điều chỉnh từ 15,00 ha xuống 13,87 ha.

3. ĐẤT GIAO THÔNG

- Dự án Đường liên thôn đoạn thôn Trà Sơn đi thôn Hà Tiến: Theo quy hoạch được duyệt tổng diện tích dự án 0,00 ha; đề nghị điều chỉnh bổ sung quy mô 0,80 ha; chênh lệch tăng 0,80 ha; có điều chỉnh loại đất lấy vào: Đất trồng cây hàng năm khác 0,80 ha.

- Dự án Đường giao thông nông thôn từ đường cứu hộ vùng 2 đền Trùm Mốc đến Chùa Côn Sơn: Theo quy hoạch được duyệt tổng diện tích dự án 0,00 ha; đề nghị điều chỉnh bổ sung quy mô 2,00 ha; chênh lệch tăng 2,00 ha; có điều chỉnh loại đất lấy vào: Đất chuyên trồng lúa nước 1,20 ha; Đất trồng cây hàng năm khác 0,80 ha.

- Dự án Quy hoạch hệ thống giao thông nội thị trấn Phố Châu: Theo quy hoạch được duyệt tổng diện tích dự án 10,00 ha; đề nghị điều chỉnh quy mô 8,70 ha; chênh lệch giảm 1,30 ha; có điều chỉnh loại đất lấy vào: Đất trồng cây lâu năm giữ nguyên 7,30 ha; Đất ở tại đô thị giữ nguyên 0,40 ha; Đất trồng cây hàng năm khác điều chỉnh từ 1,50 ha xuống 0,80 ha; Đất chuyên trồng lúa nước điều chỉnh từ 0,80 ha xuống 0,20 ha.

- Dự án Tuyến cứu hộ Bằng - Kim Hoa nối với QL281: Theo quy hoạch được duyệt tổng diện tích dự án 17,50 ha; đề nghị điều chỉnh quy mô 16,00 ha; chênh lệch giảm 1,50 ha; có điều chỉnh loại đất lấy vào: Đất trồng cây lâu năm giữ nguyên 1,35 ha; Đất chuyên trồng lúa nước giữ nguyên 0,80 ha; Đất rừng sản xuất giữ nguyên 6,80 ha; Đất ở nông thôn giữ nguyên 0,25 ha; Đất chưa sử dụng giữ nguyên 5,85 ha; Đất trồng cây hàng năm khác điều chỉnh từ 2,50 ha xuống 1,60ha; Đất chuyên trồng lúa nước điều chỉnh từ 0,75 ha xuống 0,15 ha.

4. ĐẤT CÔNG TRÌNH BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG

- Dự án Quy hoạch Bưu điện văn hóa xã Sơn Ninh: Theo quy hoạch được duyệt tổng diện tích dự án 0,00 ha; đề nghị điều chỉnh bổ sung quy mô 0,03 ha từ Đất trồng cây hàng năm khác 0,03 ha.

- Dự án Quy hoạch đất công trình bưu chính viễn thông trên địa bàn huyện Hương Sơn: Theo quy hoạch được duyệt tổng diện tích dự án 0,58 ha; đề nghị điều chỉnh còn 0,55 ha; chênh lệch giảm 0,03 ha; Điều chỉnh loại đất lấy vào: Đất trồng cây lâu năm giữ nguyên 0,28 ha; Đất trồng cây hàng năm khác điều chỉnh từ 0,30 ha xuống 0,27 ha.

5. ĐẤT XÂY DỰNG CƠ SỞ Y TẾ

- Dự án Quy hoạch Trạm y tế xã Sơn Long: Theo quy hoạch được duyệt tổng diện tích dự án 0,00 ha; đề nghị điều chỉnh quy mô 0,21 ha; chênh lệch tăng 0,21 ha; có điều chỉnh loại đất lấy vào: Đất trồng cây hàng năm khác 0,21 ha.

- Dự án Quy hoạch đất xây dựng cơ sở y tế trên địa bàn huyện Hương Sơn: Theo quy hoạch được duyệt tổng diện tích dự án 4,05 ha; đề nghị điều chỉnh xuống còn 3,84 ha; chênh lệch giảm 0,21 ha do điều chỉnh loại đất trồng cây hàng năm khác vào đất cơ sở y tế; Đất trồng cây lâu năm giữ nguyên 1,50 ha; Đất chưa sử dụng giữ nguyên 1,05ha; Đất trồng cây hàng năm khác điều chỉnh từ 1,50 ha xuống 0,29 ha.

6. ĐẤT AN NINH

- Dự án Công an xã Sơn Bình: Theo quy hoạch được duyệt tổng diện tích dự án 0,20 ha; đề nghị điều chỉnh quy mô xuống còn 0,13 ha; chênh lệch giảm 0,07 ha; có điều chỉnh loại đất lấy vào: Đất xây dựng cơ sở GD - ĐT điều chỉnh

từ 0,00ha lên 0,13ha; Đất chuyên trồng lúa nước điều chỉnh từ 2,00ha xuống 0,00ha.

- Dự án Công an xã Sơn Lâm: Theo quy hoạch được duyệt tổng diện tích dự án 0,20 ha; do vị trí không phù hợp nên đề nghị điều chỉnh sang vị trí mới và không thay đổi diện tích và chỉ tiêu sử dụng đất.

- Dự án Công an xã Kim Hoa: Theo quy hoạch được duyệt tổng diện tích dự án 0,17 ha; do vị trí không phù hợp nên đề nghị điều chỉnh sang vị trí mới và không thay đổi diện tích và chỉ tiêu sử dụng đất.

- Dự án Công an xã Sơn Long: Theo quy hoạch được duyệt tổng diện tích dự án 0,20 ha; đề nghị điều chỉnh quy mô 0,27 ha; chênh lệch tăng 0,07ha; có điều chỉnh loại đất lấy vào: Đất chuyên trồng lúa nước điều chỉnh từ 0,00 ha lên 0,20 ha; Đất xây dựng cơ sở GD – ĐT khác điều chỉnh từ 0,20 ha xuống 0,07ha.

7. ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN

- Dự án Quy hoạch đất ở 2 vùng (vùng Khái và Seo 1) xã Sơn Bằng: Theo quy hoạch được duyệt tổng diện tích dự án 0,00 ha; đề nghị điều chỉnh quy mô 0,80 ha; chênh lệch tăng 0,80ha; có điều chỉnh loại đất lấy vào: Đất chuyên trồng lúa nước điều chỉnh từ 0,00ha lên 0,80ha.

- Dự án Quy hoạch đất ở 1 vùng Sơn Trường: Theo quy hoạch được duyệt tổng diện tích dự án 0,00 ha; đề nghị điều chỉnh quy mô 0,25 ha; chênh lệch tăng 0,25 ha; có điều chỉnh loại đất lấy vào: Đất trồng cây hàng năm khác điều chỉnh từ 0,00 ha lên 0,25 ha.

- Dự án Quy hoạch đất ở xã Sơn Long: Theo quy hoạch được duyệt tổng diện tích dự án 0,00 ha; đề nghị điều chỉnh quy mô 0,40 ha; chênh lệch tăng 0,40ha; có điều chỉnh loại đất lấy vào: Đất trồng cây hàng năm khác điều chỉnh từ 0,00ha lên 0,40ha.

- Dự án Quy hoạch đất ở xã Sơn Trà: Theo quy hoạch được duyệt tổng diện tích dự án 0,00 ha; đề nghị điều chỉnh quy mô 0,80 ha tăng 0,80ha có điều chỉnh lấy vào các loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước điều chỉnh từ 0,00 ha lên 0,80 ha.

- Dự án Quy hoạch đất ở vùng ông Cù Ái, thôn Yên Long, xã Quang Diệm: Theo quy hoạch được duyệt tổng diện tích dự án 0,00 ha; đề nghị điều chỉnh quy mô 0,25 ha; chênh lệch tăng 0,25 ha; có điều chỉnh loại đất lấy vào: Đất trồng cây hàng năm khác điều chỉnh từ 0,00 ha lên 0,25 ha.

- Dự án Quy hoạch đất ở xã Sơn Bình: Theo quy hoạch được duyệt tổng diện tích dự án 0,00 ha; đề nghị điều chỉnh quy mô 0,06 ha; chênh lệch tăng 0,06ha; có điều chỉnh loại đất lấy vào: Đất trồng cây hàng năm khác điều chỉnh từ 0,00ha lên 0,06ha.

- Dự án Xây dựng khu dân cư nông thôn tại thôn 4 xã Sơn Long: Theo quy hoạch được duyệt tổng diện tích dự án 2,50 ha; đề nghị điều chỉnh quy mô 1,54 ha; chênh lệch giảm 1,36 ha; có điều chỉnh loại đất lấy vào: Đất chuyên trồng lúa nước điều chỉnh từ 1,00ha xuống 0,60ha; Đất trồng cây hàng năm khác điều chỉnh từ 1,50 ha xuống 0,54 ha.

- Dự án Xây dựng khu dân cư nông thôn Hồ Sơn, xã Sơn Trung: Theo quy hoạch được duyệt tổng diện tích dự án 2,20 ha; đề nghị điều chỉnh quy mô 1,00

ha; chênh lệch giảm 1,20ha; có điều chỉnh loại đất lấy vào: Đất chuyên trồng lúa nước điều chỉnh từ 2,20ha xuống 1,00ha;

8. ĐẤT XD CƠ SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

- Dự án Mở rộng trường Mầm non xã Sơn Trung: Theo quy hoạch được duyệt tổng diện tích dự án 0,00 ha; đề nghị điều chỉnh quy mô 0,10 ha; chênh lệch tăng 0,10 ha; có điều chỉnh loại đất lấy vào: Đất chưa sử dụng điều chỉnh từ 0,00 ha lên 0,10 ha;

- Dự án Quy hoạch đất xây dựng cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện Hương Sơn: Theo quy hoạch được duyệt tổng diện tích dự án 10,34 ha; đề nghị điều chỉnh quy mô 10,24 ha; chênh lệch giảm 0,10 ha; có điều chỉnh loại đất lấy vào: Đất trồng cây hàng năm khác giữ nguyên 2,00 ha; Đất trồng cây lâu năm giữ nguyên 2,00 ha; Đất rừng sản xuất giữ nguyên 2,00ha; Đất nuôi trồng thủy sản giữ nguyên 2,00 ha; Đất chưa sử dụng điều chỉnh từ 2,34 ha xuống 2,24ha.

Sau khi điều chỉnh quy mô diện tích và loại đất sử dụng của 26 công trình, dự án tại danh mục công trình trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Hương Sơn thì các chỉ tiêu sử dụng đất giữ nguyên không thay đổi, chỉ thay đổi về vị trí công trình; quy mô diện tích giữa các công trình và các loại đất sử dụng cho các công trình nêu trên.

(Chi tiết có biểu 01, biểu 02 kèm theo)

3. Các giải pháp tổ chức thực hiện quy hoạch sử dụng đất.

- Thực hiện tốt công tác lập và thực hiện quy hoạch làm cơ sở cho các nhà đầu tư lựa chọn và thực hiện đầu tư dự án.

- Thực hiện công khai các dự án đầu tư, từ lúc lập dự án đến quá trình triển khai thực hiện dự án để cộng đồng cùng kiểm tra giám sát.

Ủy ban nhân dân huyện Hương Sơn kính trình Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt để làm căn cứ triển khai các bước tiếp theo của các dự án theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Huyện ủy
- Thường trực HĐND huyện
- Sở Tài nguyên và Môi trường (Trình thẩm định);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện;
- CVP, PCVP HĐND và UBND huyện;
- Chuyên viên TNMT;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Bình Thân

**BIỂU 02. CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT TRƯỚC VÀ SAU KHI ĐIỀU CHỈNH
MỘT SỐ CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN TRONG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN
NĂM 2030 HUYỆN HƯƠNG SƠN**

*(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2023 của Ủy ban nhân dân huyện
Hương Sơn)*

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích đến năm 2030 theo quy hoạch đã được duyệt (ha)	Diện tích đến năm 2030 sau điều chỉnh (ha)	Tăng (+) giảm (-)
(1)	(2)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)
1	Đất nông nghiệp	NNP	100.530,44	100.530,44	-
	<i>Trong đó</i>				
1.1	Đất chuyên trồng lúa nước	LUA	5.646,88	5.646,88	-
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	4.818,81	4.818,81	-
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	3.059,31	3.059,31	-
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	5.964,51	5.964,51	-
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	32.258,07	32.258,07	-
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	9.325,91	9.325,91	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	42.970,20	42.970,20	-
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	RSN	27.069,98	27.069,98	-
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	804,71	804,71	-
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH	500,85	500,85	-
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	8.652,14	8.652,14	-
	<i>Trong đó</i>				
2.1	Đất quốc phòng	CQP	238,02	238,02	-
2.2	Đất an ninh	CAN	8,83	8,83	-
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	103,03	103,03	-
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	130,00	130,00	-
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	248,55	248,55	-
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	71,11	71,11	-
2.7	Đất cho hoạt động khoáng sản	SKS	40,65	40,65	-
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng	SKX	282,43	282,43	-
2.9	Đất PTHH cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	4.736,06	4.736,06	-
	<i>Trong đó</i>				
	<i>Đất giao thông</i>	DGT	2.629,37	2.629,37	-
	<i>Đất thủy lợi</i>	DTL	907,78	907,78	-
	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	DVH	11,05	11,05	-
	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	DYT	12,62	12,62	-
	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục-đào tạo</i>	DGD	86,03	86,03	-
	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao</i>	DTT	99,13	99,13	-
	<i>Đất công trình năng lượng</i>	DNL	288,28	288,28	-
	<i>Đất công trình bưu chính viễn thông</i>	DBV	6,69	6,69	-
	<i>Đất có di tích lịch sử - văn hóa</i>	DDT	12,30	12,30	-
	<i>Đất bãi thải, xử lý chất thải</i>	DRA	42,91	42,91	-
	<i>Đất cơ sở tôn giáo</i>	TON	27,00	27,00	-
	<i>Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa</i>	NTD	599,20	599,20	-
	<i>Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội</i>	DXH	1,55	1,55	-
	<i>Đất chợ</i>	DCH	12,14	12,14	-
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL			-
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	40,41	40,41	-
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	48,00	48,00	-
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.247,24	1.247,24	-
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	133,49	133,49	-
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	29,59	29,59	-
2.16	Đất XD trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	9,86	9,86	-
2.17	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	34,75	34,75	-
2.17	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.126,38	1.126,38	-

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích đến năm 2030 theo quy hoạch đã được duyệt (ha)	Diện tích đến năm 2030 sau điều chỉnh (ha)	Tăng (+) giảm (-)
(1)	(2)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)
2.18	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	103,88	103,88	-
2.19	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	19,85	19,85	-
3	Đất chưa sử dụng	CSD	496,95	496,95	-